

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **51/2018/HNGĐ – ST**

Ngày 13-11-2018

V/v “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú.

2. Ông Võ Đức Thọ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 384/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị L**, sinh năm: 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn P**, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện kết hôn với ông Phạm Văn P vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thắng (Nay là Ủy ban nhân dân Thị trấn Lộc Ninh), huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước vào năm 1990. Trước khi kết hôn có tìm hiểu khoảng 12 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại Ấp 8, xã Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do ông P thường xuyên uống rượu say, chửi bới, xúc phạm đến

nhân phẩm bà và gia đình bà. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà và ông P đã bị mất. Việc Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Lộc Ninh và Phòng tư pháp huyện Lộc Ninh đều xác định: Từ năm 1990 cho đến nay không có tên bà và ông P đăng ký kết hôn trong sổ bộ đăng ký kết hôn. Bà không có ý kiến gì về kết quả xác minh trên, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Bà L và ông P có 03 con chung tên là Phạm Tuấn D1, sinh năm 1993, Phạm Tuấn D, sinh năm 1995 và Phạm Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 06/11/2001. Ngoài ra, vợ chồng không có nuôi con nuôi. Do hiện nay con chưa thành niên tên Phạm Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 06/11/2001 đang ở với ông P và hiện đang đi học tại Trường trung học phổ thông Lộc Ninh nên khi ly hôn, bà đồng ý để ông P nuôi con tên Phạm Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 06/11/2001.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông – Phạm Văn P trình bày: Ông thống nhất với Bà L về quan hệ hôn nhân, con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng có cãi nhau, nguyên nhân là do Bà L đi làm ở xa, ít về nhà, ông nói Bà L ở nhà nhưng Bà L không nghe lời, ông buồn nên ông có uống rượu và có la mắng Bà L vài lần, từ đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nay Bà L yêu cầu ly hôn với ông thì ông không có ý kiến gì, ông đề nghị Tòa án xem xét.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa ông và Bà L đã bị mất. Việc Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Lộc Ninh và Phòng tư pháp huyện Lộc Ninh đều xác định: Từ năm 1990 cho đến nay không có tên ông và Bà L đăng ký kết hôn trong sổ bộ đăng ký kết hôn. Ông không có ý kiến gì về kết quả xác minh trên, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của Bà L. Do hiện nay con tên Phạm Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 06/11/2001 đang ở với ông và hiện đang đi học tại Trường trung học phổ thông Lộc Ninh nên ông đồng ý nuôi con tên Phạm Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 06/11/2001, không yêu cầu bà Loan cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

- Về nội dung:

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị L và ông Phạm Văn P.

+ Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, cháu Phạm Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 06/11/2001 không thể hiện muốn được sống với ai nếu cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa Bà L và ông P thỏa thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yến là ông P. Mặt khác, cháu Yến hiện đang sống cùng với ông P và học tại Trường phổ thông trung học Lộc Ninh. Vì vậy, giao con tên Phạm Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 06/11/2001 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn P, yêu cầu của Bà L được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. ông P cư trú tại Ấp 8, xã Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị L và ông Phạm Văn P đều xác định: Bà L và ông P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thắng (nay là Ủy ban nhân dân Thị trấn Lộc Ninh), huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước vào năm 1990, tuy nhiên giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị mất. Quá trình sống chung, giữa Bà L và ông P có phát sinh mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Lộc Ninh và Phòng tư pháp huyện Lộc Ninh đều có kết quả như sau: Từ năm 1990 cho đến nay không có tên ông Phạm Văn P và bà Phạm Thị L đăng ký kết hôn trong sổ bộ đăng ký kết hôn. Do đó, việc Bà L và ông P xác định có đăng ký kết hôn vào năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thắng (nay là Ủy ban nhân dân Thị trấn Lộc Ninh) là không có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn và nhân gia đình thì: “*Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....*”.

Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị L và ông Phạm Văn P.

[2.2] Về con chung: Đối với 02 con chung tên là Phạm Tuấn D1, sinh năm 1993, Phạm Tuấn D, sinh năm 1995 đã thành niên và không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với con chung tên Phạm Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 06/11/2001: Quá trình giải quyết vụ án, cháu Yến không thể hiện muốn được sống với ai nếu cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa Bà L và ông P thỏa thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yến là ông P. Mặt khác, cháu Yến hiện đang sống cùng với ông P và học tại Trường phổ thông trung học Lộc Ninh. Vì vậy, cần giao con tên Phạm Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 06/11/2001 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: ông P không yêu cầu Bà L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, Bà L phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị L và ông Phạm Văn P.

2/ Về con chung: Giao con tên Phạm Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 06/11/2001 cho ông Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số: 0006182 ngày 01/10/2018.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Lộc Thuận;
- UBND Thị trấn Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh